

Số: ~~14~~/BC-THCS

Mường Nhé, ngày 25 tháng 6. năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Năm học 2023- 2024

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Kế hoạch số 129/KH-THCS ngày 11/9/2023 của trường PTDTBT THCS Mường Nhé kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023- 2024;

Trường PTDTBT THCS Mường Nhé thực hiện công khai năm học 2023- 2024 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về nhà trường

1.1. Tên trường: Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học cơ sở Mường Nhé

Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của nhà trường.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân cư số 2, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

Thư điện tử: "truongmuongnhe@gmail.com"

Website: "https://

Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé

1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

a. Sứ mạng:

Phát triển những giá trị cốt lõi 05 phẩm chất và 10 năng lực trong Chương trình trình giáo dục phổ thông 2018:

05 phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Chăm chỉ; Trung thực; Trách nhiệm.

10 năng lực cốt lõi của học sinh, gồm 02 nhóm đó là năng lực chính là năng lực chung và năng lực chung cốt lõi: Năng lực chung (Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để). Năng lực cốt lõi (Ngôn ngữ; Tính toán; Tin học; Thể chất; Thẩm mỹ; Công nghệ; Tìm hiểu tự nhiên và xã hội).

b. Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện. Đào tạo thế hệ học sinh (HS) có truyền thống tự hào là HS Trường PTDT BT THCS Mường

Nhé, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

c. Mục tiêu của nhà trường:

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp tất cả các khối lớp.

Củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục: Chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn, chất lượng các kì thi, cuộc thi, các sân chơi trí tuệ và nâng cao chất lượng thi vào lớp 10 THPT.

Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho HS; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS sau trung học cơ sở.

Xây dựng đội ngũ giáo viên vững về chuMường Nhén, trách nhiệm, gương mẫu và hiệu quả trong công việc.

Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS; duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia.

Xây dựng trường học xanh sạch, đẹp, an toàn, hạnh phúc; thực hiện tốt quá quản lý giáo dục, quản trị trường học; bảo đảm dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả trong nhà trường;

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường PTDTBT THCS Mường Nhé, tiền thân là Trường cấp 1 – 2 xã Mường Nhé, được thành lập năm 2000. Tháng 9 năm 2008, trường được tách ra và đổi tên thành Trường THCS Mường Nhé. Từ năm 2013 đến năm nay, trường được đổi tên thành trường PTDTBT THCS Mường Nhé.

Trải qua 24 năm xây dựng và trưởng thành, Trường PTDTBT THCS Mường Nhé phát triển vững mạnh về mọi mặt. Trong nhiều năm học, Trường PTDTBT THCS Mường Nhé được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Mường Nhé, UBND tỉnh Điện Biên tặng Giấy khen, Bằng khen. Đặc biệt, Trường PTDTBT THCS Mường Nhé được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2016, 2022, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tặng Bằng khen các năm học 2018; nhiều năm được UBND tỉnh Điện Biên tặng Cờ thi đua.

Nhà trường được Sở GD&ĐT Điện Biên công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 2 vào tháng 3 năm 2022.

Trường PTDTBT THCS Mường Nhé đã được UBND tỉnh Điện Biên công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 3 năm 2022.

3. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Họ và tên: Dương Tiến Công, Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0974996409

Email: duongtiencongmn@gmail.com

4. Tổ chức bộ máy

4.1. Quyết định thành lập trường: Thành lập tháng 9 năm 2000 (Hiện không còn Quyết định thành lập trường).

4.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:

Quyết định số 269/QĐ- UBND ngày 5/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc công nhận Hội đồng trường Trường PTDTBT THCS Mường Nhé nhiệm kì 2021- 2025.

Quyết định số 1927/QĐ- UBND ngày 5/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc điều chỉnh bổ sung thành viên hội đồng các trường công nhận Hội đồng trường Trường PTDTBT THCS Mường Nhé nhiệm kì 2021- 2025.

Hội đồng trường gồm 11 thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Dương Tiến Công	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng trường
2	Lèng Thị Tịnh	Phó hiệu trưởng	Thành viên Hội đồng trường
3	Phạm Thị Hải Yến	Phó hiệu trưởng	Thành viên Hội đồng trường
4	Đinh Tuấn Sơn	Tổ trưởng	Thành viên Hội đồng trường
5	Đinh Thị Cúc	Tổ trưởng	Thành viên Hội đồng trường
6	Trịnh Thị Duyên	Tổ trưởng	Thành viên Hội đồng trường
7	Nguyễn Thị Hải Bích	Thư ký HĐ trường	Thư ký Hội đồng trường
8	Vũ Thị Nguyệt	Tổ trưởng	Thành viên Hội đồng trường
9	Đinh Thị Mây	Tổ trưởng	Thành viên Hội đồng trường
10	Nguyễn Thị Hậu	Tổ trưởng	Thành viên Hội đồng trường
11	Đoàn Tiến Thành	Bí thư Chi đoàn	Thành viên Hội đồng trường

4.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

- Quyết định số 1143/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Mường Nhé V/v điều động và bổ nhiệm viên chức đối với đồng chí Dương Tiến Công – Hiệu trưởng

- Quyết định số 1120/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Mường Nhé V/v bổ nhiệm viên chức quản lý trường học đối với đồng chí Phạm Thị Hải Yến – Phó hiệu trưởng.

- Quyết định số 1121/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Mường Nhé V/v bổ nhiệm viên chức quản lý trường học đối với đồng chí Lèng Thị Tịnh – Phó hiệu trưởng.

4.4 Quy chế tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục mầm non và phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình HS, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận HS, quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý cán bộ (CB) giáo viên (GV), nhân viên (NV) theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), thiết bị dạy học (TBDH) theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.5. Tổ chức bộ máy của nhà trường:

Cơ cấu tổ chức của trường PTDTBT THCS Mường Nhé theo quy định tại Điều 9 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT quy định cơ cấu tổ chức trường trung học, gồm:

Hội đồng trường;

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng;

Hội đồng Thi đua- Khen thưởng;

Hội đồng Kỳ luật;
 Các hội đồng Tư vấn;
 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
 Tổ chức Công đoàn;
 Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
 Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
 Các Tổ chuyên môn: Tổ Toán, Tổ Văn, Tổ KHXH, Tổ KHTN, Tổ Tổng hợp
 Tổ Văn phòng;
 Lớp học.

4.6. Các văn bản nhà trường:

Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học; Kế hoạch giáo dục của nhà trường; Quy chế hoạt động Hội đồng trường;

Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng; Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường;

Quy chế công khai;

Quy chế làm việc của trường; Quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quy chế thực hiện tiền thưởng;

Quy tắc ứng xử của nhà trường; Tiêu chí Thi đua của nhà trường;

Các nghị quyết của Hội đồng trường; Tập thể CB, GV, NV nhà trường; Nghị quyết Hội nghị Cán bộ viên chức và người lao động;

Báo cáo sơ kết, tổng kết trong năm học của Hội đồng trường và Nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CB QUẢN LÝ VÀ NV

1. Thông tin về đội ngũ CB quản lý, GV và NV

- Cán bộ quản lý:

TT	Họ tên	Chức vụ	Trình độ Chuyên môn		Trình độ chính trị		Chứng chỉ QLGD	Trình độ ngoại ngữ (tiếng dân tộc)	Trình độ tin học
			Đại học	Cao đẳng	TC	SC			
1	Dương Tiến Công	HT	x		x		x	Giỏi	ƯDCB
2	Phạm Thị Hải Yến	PHT	x		x		x	Giỏi	ƯDCB
3	Lê Thị Tịnh	PHT	x		x		x	Giỏi	ƯDCB

- Giáo viên,

Số lượng		Đảng viên	Trung cấp chính trị	Trình độ				Tỉ lệ GV/lớp
Tổng số	Nữ			Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Tỉ lệ đạt chuẩn	
56	37	43	4	0	56	0	100	1,86

- Cơ cấu, chủng loại giáo viên theo chuyên ngành đào tạo:

Toán	Vật lí	Công nghệ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	Ngữ văn	GD CD	Tiếng Anh	Tin học	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật
8	3	2	6	5	5	4	7	4	4	2	4	1	1

- Nhân viên:

Tổng số 06 người. Gồm: Biên chế 03 (Kế toán, văn thư, y tế học đường); Hợp đồng lao động: 03 (Bảo vệ, phục vụ). Về trình độ chuyên môn: 01 Đại học (Kế toán); 02 Trung cấp (Y tế, Văn thư);

Số lượng, tỷ lệ GV, CB quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

CB quản lý là 03 người, đạt chuẩn 100%; GV là 56 người, đạt chuẩn 100%.

2. Số lượng, tỷ lệ GV, CB quản lý và NV hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

CB quản lý 03 người, bồi dưỡng đạt 100%; GV 56 người, bồi dưỡng đạt 100%; NV 06 người (Biên chế và hợp đồng) bồi dưỡng đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất (CSVCh) và tài liệu học tập sử dụng chung

1.1. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một HS; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Khuôn viên nhà trường có diện tích 14203,1m², trung bình 12,39m²/HS, đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định cho nhu cầu vui chơi và học tập của HS. (Quy định ít nhất 10m²/HS).

1.2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

a. Nhà trường đã có các hạng mục sau:

Khối hành chính- quản trị: Nhà trường có 07 phòng (01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Kế toán, 01 phòng văn thư, 01 phòng hợp, 01 phòng Bảo vệ).

Khối phụ trợ: Gồm 04 phòng (01 phòng Y tế; 03 phòng Tổ chuyên môn,).

Nhà trường có 01 khu nhà để xe cho CB, GV, NV và 01 khu nhà để xe cho HS, được bố trí hợp lý, thuận tiện, an toàn. Khu để xe HS được phân chia theo các lớp học.

Khối phòng học, phòng bộ môn: Nhà trường có 30 phòng học đủ để học 1 ca, 1 phòng học bộ môn. Các phòng cơ bản đều thoáng mát, đủ ánh sáng, trong đó có 14 phòng được bố trí các thiết bị dạy học hiện đại (02 phòng có ti vi thông minh, 12 phòng có máy chiếu), các loại bảng biểu theo quy định.

Khối phòng hỗ trợ học tập: Nhà trường có 05 phòng (01 phòng hoạt động của Đoàn - Đội, 01 phòng Thư viện; 01 phòng Truyền thông; 02 phòng Thiết bị giáo dục).

Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước: Khu vệ sinh của CB, GV, NV và HS được bố trí phòng nam/nữ riêng biệt; có các thiết bị vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước đạt

quy chuẩn. Nhà trường có nguồn nước sạch theo chương trình của nông thôn mới và có bể nước máy.

Khu sân chơi, bãi tập:

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 6.750m² chiếm 47,5% tổng diện tích sử dụng của trường. (Quy định khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường).

Khu bãi tập được trang bị đủ các thiết bị tập luyện: Bóng chuyền, cầu lông, đường chạy, hố nhảy xa, nhảy cao, sân bóng đá. Sân chơi, bãi tập có tường bao, hàng rào xung quanh đảm bảo an toàn cho HS trong thời gian tập luyện.

Nhà đa năng diện tích 684 m² được thiết kế theo đúng quy cách, kỹ thuật, phục vụ các hoạt động thể dục thể thao (TDTT) và ngoại khóa;

b. Hạn chế về CSVC:

Còn thiếu 02 phòng học (hiện đang là phòng học nhà tạm)

Khu phụ trợ thiếu: 02 phòng chờ của GV.

Nhà xe HS còn thiếu so với nhu cầu HS (Nhà xe hiện có đáp ứng 50% nhu cầu HS).

Diện tích 30/30 phòng học chật hẹp, 54 m²/phòng (Bình quân 40,3 HS/lớp)..

Số lượng, chất lượng máy vi tính để bàn chưa đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của HS (Phòng Tin học và các lớp học).

Diện tích và số lượng thiết bị vệ sinh chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của HS (Diện tích nhà vệ sinh HS hiện đang sử dụng là 50 m²; theo quy định là 0,06 m²/HS, diện tích nhà vệ sinh cần có là 68,76 m²).

Tường bao xung quanh trường đã xuống cấp nghiêm trọng.

Hệ thống nhà bán trú cho học sinh đã xuống cấp và thiếu (thiếu 33 phòng)

1.3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ nghe nhìn : Tivi thông minh 65-75 inch: 02 cái; máy chiếu đa năng: 12 cái; máy tính để bàn: 6 cái; máy tính xách tay: 2 cái; bộ loa di động- âm ly: 02 bộ; màn hình tương tác: 1 cái; máy in: 07 cái; máy photocopy: 03 cái.

Thiết bị dạy học các môn theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018: Nhà trường cơ bản có đủ thiết bị dạy học các môn từ lớp 6 đến lớp 9 theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

a. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT: Gồm các loại sách giáo khoa, sách nghiệp vụ của GV, sách tham khảo, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và băng đĩa.

Hiện tại, nhà trường có:

- Khối 6:

TT	Môn	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6	I-learn Smart World	Võ Đại Phúc	Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí),	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động TN-HN 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy Bùi Sĩ Tụng	Giáo dục Việt Nam

- Khối 7:

TT	Môn	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam

3	Tiếng Anh 6	I-learn Smart World	Võ Đại Phúc	Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí),	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động TN-HN 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy Bùi Sĩ Tụng	Giáo dục Việt Nam

- Khối 8

TT	Môn	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6	I-learn Smart World	Võ Đại Phúc	Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng	Giáo dục Việt Nam

			Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí),	
6	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động TN-HN 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy Bùi Sĩ Tụng	Giáo dục Việt Nam

- Khối 9

TT	Môn	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí),	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động TN-HN 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy Bùi Sĩ Tụng	Giáo dục Việt Nam

b. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT: Gồm các loại sách giáo khoa, sách nghiệp vụ của GV, sách tham khảo, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và băng đĩa.

Hiện tại, nhà trường có:

Năm học	Sách giáo khoa	Sách tham khảo	Sách nghiệp vụ	Sách thiếu nhi	Tổng số
2022-2023	980	4314	287	657	6238
2023-2024	1021	4314	287	657	6279

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

Mức 1: 28/28 tiêu chí đạt 100%; Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 0; Mức 2: 28/28 tiêu chí đạt 100%; Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 0; Mức 3: 20/20 tiêu chí đạt 100%; Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 0.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: Số lượng tiêu chí đạt Mức 4: 02/06 đạt 33%;

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 4: 04/06 chiếm 66%.

Mức đánh giá của Trường PTDTBT THCS Mường Nhé: Mức 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Tháng 4 năm 2022, nhà trường được Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên công nhận và cấp giấy chứng nhận trường PTDTBT THCS Mường Nhé đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 (Theo Quyết định số 227/QĐ-SGDĐT ngày 21/4/2022 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên).

Tháng 4 năm 2022, nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên công nhận trường PTDTBT THCS Mường Nhé đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (Theo Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Điện Biên).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

* Đối tượng tuyển sinh:

HS hoàn thành chương trình tiểu học, đúng độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Đối với HS khuyết tật thực hiện theo Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 03/TT/2018-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về Giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật. Thông tư liên tịch số 42/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH- BTC ngày 31/12/2013 quy định về chính sách đối với người khuyết tật.

Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2023-2024: Là 318 HS lớp 5 đã hoàn thành chương trình tiểu học có hộ khẩu thường trú tại xã Mường Nhé, trong đó có 34 HS khuyết tật hòa nhập.

*** Phương thức tuyển sinh**

Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tiếp tại trường. Hoàn thành trước ngày 25/6/2023.

*** Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.**

Trường hợp có HS trái tuyến huyện ngoài, tỉnh ngoài đăng kí dự tuyển nếu đủ điều kiện để tiếp nhận thì nhà trường báo cáo bằng văn bản về Phòng GD&ĐT huyện và chỉ được tuyển khi có sự đồng ý của Phòng GD&ĐT huyện.

*** Thời gian tuyển sinh:**

Trước ngày 09/6/2023: Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tới trường các bản, tổ trưởng tổ dân cư trong toàn xã; tuyên truyền, chuẩn bị các điều kiện cho công tác tuyển sinh.

Ngày 09/6/2023 niêm yết công khai kế hoạch tuyển sinh lớp 6 trên bảng tin của nhà trường đến khi kết thúc công việc tuyển sinh.

Từ ngày 11/6/2023 đến 17h00 phút, ngày 20/6/2023: Nhà trường hướng dẫn phụ huynh HS đăng ký tuyển sinh (trực tiếp), lập danh sách HS dự xét tuyển.

Ngày 22/6/2023: Tổ chức xét tuyển.

Từ ngày 23-24/6/2023: Thông báo danh sách HS trúng tuyển, thu nhận đổi chiếu hồ sơ gốc.

Ngày 25/6/2023: nộp danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp 6 năm học 2023 - 2024; danh sách học sinh khuyết tật học hòa nhập không đánh giá xếp loại (lập danh sách riêng) về Phòng GD&ĐT huyện.

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo các yêu cầu sau:

Xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đội ngũ GV, CSVC, thiết bị dạy học của nhà trường.

Khi xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đối với lớp có HS khuyết tật, kế hoạch giáo dục phải thể hiện được nội dung trọng tâm hướng dẫn HS khuyết tật.

Kế hoạch giáo dục yêu cầu đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và quan tâm đến xây dựng chủ đề dạy học, nội dung tích hợp nội môn, liên môn, chương trình giáo dục địa phương và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và phải được tích hợp các nội dung môn học...

Xây dựng kế hoạch giáo dục, GV bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục trong CTGDPT 2018 để lồng ghép giáo dục STEM trong tiết dạy phù hợp điều kiện của nhà trường, đặc điểm tâm lý, sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của HS; đảm bảo nguyên tắc khoa học, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

Thực hiện tích hợp các nội dung môn học: Tích hợp nội dung giáo dục quốc phòng an ninh vào môn học Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục Công dân, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm. Tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép khác.

(Kế hoạch giáo dục số 129/KH-THCS ngày 11/9/2023).

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục HS:

Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS. Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Công an xã Mường Nhé. Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Trạm y tế xã Mường Nhé.

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho HS ở nhà trường, gồm:

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học và trải nghiệm thực tế trong và ngoài nhà trường.

Tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm học: Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân và ngày Quốc phòng toàn dân 22/12; Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 và ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3...

Tổ chức các hoạt động của các Câu lạc bộ: Câu lạc bộ Thể dục thể thao, Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ thơ, Câu lạc bộ toán, câu lạc bộ thể thao

Phối hợp với các tổ chức tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS:

Phối hợp với Công an huyện Mường Nhé và các doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm.

Phối hợp Công an xã Mường Nhé tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường...

Phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Mường Nhé tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống cho HS.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (Năm học 2022-2023)

2.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số HS theo từng khối; số HS bình quân/lớp theo từng khối; số lượng HS nam/HS nữ, HS là người dân tộc thiểu số, HS khuyết tật; số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS học tại trường.

Kết quả tuyển sinh: Tổ chức tuyển sinh lớp 6 THCS đúng quy trình, đúng quy định. Kết quả tuyển được: 318 học sinh (nam: 188; nữ: 130);

Quy mô lớp học và HS:

Khối	Số lớp	Sĩ số đầu năm	Sĩ số cuối năm	Diễn giải
6	7	289	288	Có 01 HS chuyển đi học nơi khác
7	7	288	285	Có 03 HS chuyển đi học nơi khác
8	6	237	226	Có 11 HS chuyển đi học nơi khác
9	5	208	197	Có 9 học sinh chuyển đi học nơi khác,
Tổng		1020	996	

2. Thống kê kết quả đánh giá HS theo quy định của Bộ GD&ĐT; thống kê số lượng HS được lên lớp, HS không được lên lớp

a. Chất lượng giáo dục toàn diện, đại trà

Chương trình trường học mới

* Xếp loại phẩm chất

Tổng số HS	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
423	335=79,2%	77=18,2%	11=2,6%

* Xếp loại học tập

Tổng số HS	HTT	Hoàn thành	Chưa HT
423	65=15,4%	278=65,7%	80=18,9%

Chương trình GD phổ thông 2018

* Kết quả rèn luyện

Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
573	415=72,4%	99=17,3%	39=6,9%	6=1%

* Kết quả học tập

Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
573	82=14,3%	174=30,4%	284=49,6%	19=3,3%

* Kết quả thi học sinh giỏi, thi Olympic các cấp

Số HS	Giỏi cấp trường		Giỏi cấp huyện		Giỏi cấp tỉnh	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
996	52	5,2%	37	3%	10	1%

b. Phát hiện và bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu và các cuộc thi

Kì thi chọn HS giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp huyện: Đạt 37 giải. Kì thi chọn HS giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp tỉnh: Đạt 10 giải. Kì thi chọn HS giỏi các môn văn hóa lớp 6, lớp 7, lớp 8 cấp huyện: Đạt 52 giải

Kết quả xét công nhận tốt nghiệp THCS năm học 2023-2024 và kết quả kì thi vào lớp 10 THPT công lập năm học 2023-2024

Số HS lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS là: 197/197, đạt 100%

Số HS không tham gia thi vào lớp 10 THPT công lập là 22 em.

Số học sinh tham gia thi lớp 10 THPT công lập là: 175/197 em (88,8%). Số HS dự thi và trúng tuyển là: 183/184 (99,5%). Trong đó trúng tuyển trường THPT chuyên Lê Quý Đôn là 02 học sinh, trường hữu nghị 80: 04 học sinh, trường cao đẳng kinh tế diện biên 1 học sinh, trường PTDTNT THPT tỉnh là 14 học sinh, PTDTNT THPT Mường Nhé là 51 học sinh, còn lại là trường THPT Mường Nhé là 103 học sinh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2023

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023. (số liệu quyết toán)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	KP giao	KP quyết toán	Dự dự toán
I	Các khoản thu. NSNN giao	21.176.650.600	21.041.060.600	135.590.000
1	Nguồn NS chi thường xuyên (13)	13.984.892.100	13.984.892.100	
2	Nguồn cải cách tiền lương (14)	1.304.899.000	1.256.881.000	48.018.000
3	Nguồn không thường xuyên (12)	5.886.859.500	5.799.287.500	87.572.000
II	Các khoản chi	21.176.650.600	21.041.060.600	135.590.000
	Nguồn KP tự chủ	15.289.791.100	15.241.773.100	48.018.000

1	Tiền lương, các khoản phụ cấp		13.191.199.419	
2	Tiền công trả cho LĐ hợp đồng		203.821.750	
3	Các khoản đóng góp		1.005.258.845	
4	Phúc lợi tập thể		33.815.000	
5	Các khoản TT khác cho cá nhân		188.320.074	
6	TT dịch vụ công cộng		123.943.712	
7	Vật tư văn phòng		132.522.000	
8	Thông tin, tuyên truyền liên lạc		35.945.800	
9	Công tác phí		65.420.000	
10	Sửa chữa, duy tu TS phục vụ chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		75.716.000	
11	Mua sắm TS phục vụ công tác CM		29.200.000	
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		21.010.500	
13	Mua sắm TS vô hình		28.700.000	
14	Chi khác		77.400.000	
15	Chi trợ cấp tết ND		29.500.000	
	Nguồn KP không tự chủ	5.886.859.500	5.799.287.500	87.572.000
1	Hỗ trợ học sinh bán trú theo ND 116/2016/ND-CP	4.000.663.500	3.916.131.500	84.532.000
2	Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/ND-CP	1.355.100.000	1.352.250.000	2.850.000

3	Cấp bù miễn giảm học phí (Mầm non, THCS) theo ND 81/2021/ND-CP	93.480.000	93.290.000	190.000
4	Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người	56.016.000	56.016.000	0
5	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	381.600.000	381.600.000	0

2. Công khai các khoản thu năm học 2023 – 2024 và dự kiến năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023 - 2024			
1	Bảo hiểm Bưu điện	Đồng/HS	75.000	
II	Năm học 2024 - 2025			
1	Bảo hiểm Bưu điện	Đồng/HS	75.000	

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học năm học 2023 – 2024

ĐVT:

Đồng

Nội dung	Số HS	Số tiền	Ghi chú
1. HS hưởng chế độ CPHT theo ND 81/2021		1.400.150.000	
- Học kỳ I năm học 2023 - 2024	1.046	627.600.000	
- Học kỳ II năm học 2023 - 2024	1.031	772.550.000	
2. HS hưởng chế độ cấp bù học phí năm học 2023 - 2024			
- Học kỳ I năm học 2023 - 2024	1.082	43.280.000	
- Học kỳ II năm học 2023 - 2024	1.066	53.250.000	
3. Chế độ HS khuyết tật năm học 2023 - 2024		411.100.000	
- Học kỳ I năm học 2023 - 2024		187.800.000	
+ Học bổng	30	172.800.000	
+ Mua đồ dùng phương tiện	30	15.000.000	
- Học kỳ II năm học 2023 - 2024		223.300.000	
+ Học bổng	29	208.800.000	
+ Mua đồ dùng phương tiện	29	14.500.000	

4. Chế độ HS dân tộc rất ít người (được 12 tháng)	6	58.320.000	Tháng 6,7,8 /2024 chưa chi
5. Chế độ HS bán trú theo ND 116/2016 năm học 2023 - 2024		4.492.710.000	
- Chế độ tiền ăn của HS	689	4.389.360.000	
- Chế độ dụng cụ TDDT	689	34.450.000	
- Chế độ tủ thuốc	689	68.900.000	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, kho bạc tại hết năm tài chính 2023

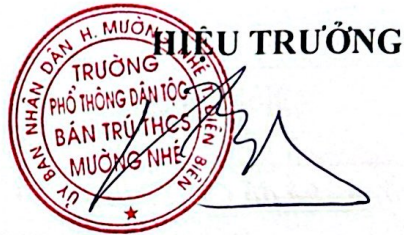
DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	0	
2	Số dư tiền TK tại kho bạc	135.590.000	
3	Số dư TK tiền gửi tại ngân hàng	28.018.000	

Trên đây là Báo cáo thường niên công khai năm học 2023-2024 của trường PTDTBT THCS Mường Nhé./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện Mường Nhé
- Công TTĐT trường PTDTBT THCS Mường Nhé
- Lưu VT.



Dương Tiến Công